TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**239/**2022/HNGĐ – ST
Ngày 23- 9- 2022
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hơn.

2. Ông Hà Công Tâm.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/QĐST – HNGĐ ngày 16/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bé G, sinh năm 1992; Nơi cư trú: số 435/63 ấp LH, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981; Nơi cư trú: số 435/63 ấp LH, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị Bé G trình bày:

Vào năm 2017 chị và anh Nguyễn Văn M được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/4/2011. Trong thời gian sống chung anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn M M, sinh ngày 18/3/2011,

hiện con chung đang sống chung với chị. Chị và anh M không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh M là do trong thời gian chung sống anh, chị bất đồng quan điểm, vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, anh M đã bỏ nhà đi từ tháng 11/2021 cho đến nay; gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy anh chị có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị có yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Chị không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ *Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:* Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn M M, sinh ngày 18/3/2011. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung*: không yêu cầu giải quyết

+ *Về nợ chung:* Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Bé G đối với bị đơn anh Nguyễn Văn M. Cho chị Võ Thị Bé G và anh Nguyễn Văn M được ly hôn. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn M M, sinh ngày 18/3/2011 cho chị Võ Thị Bé G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, do chị Võ Thị Bé G không yêu cầu anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn M hiện có đăng ký thường trú tại ấp LH, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Võ Thị Bé G có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý dovì vậy căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Võ Thị Bé G và anh Nguyễn Văn M.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị Bé G và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/4/2011. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị G và anh M được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị G xin ly hôn với anh M là do trong thời gian chung sống anh, chị bất đồng quan điểm, vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, mâu thuẫn giữa anh, chị được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy: Hiện nay chị G và anh M không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc khác anh M biết rõ việc chị G xin ly hôn với anh, Tòa án đã tạo điều kiện để chị G và anh M hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh M vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị G và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là phù hợp. Do chị Võ Thị Bé G và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Chị Võ Thị Bé G và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung tên Nguyễn M M, sinh ngày 18/3/2011. Xét thấy: Từ khi chị G và anh M không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau thì con chung do chị G trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần; con chung tên Nguyễn M M có nguyện vọng sống chung với chị G. Lẽ đó cần giao cho chị G được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị G không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Võ Thị Bé G trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Chị Võ Thị Bé G phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b khoản 1 Điều 227, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Võ Thị Bé G. Chị Võ Thị Bé G được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Do chị Võ Thị Bé G và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Bé G được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn M M, sinh ngày 18/3/2011. Do chị Võ Thị Bé G không yêu cầu anh Nguyễn văn M cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Võ Thị Bé G phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006908 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HUỲNH THỊ PHÊ

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân **Thaåm phaùn –**
Chuû toaï phieân toaø

Nguyễn Văn Chót – Phạm M Đạt **Huyønh Thò Pheâ**